**Condition statement**

* If statements + Condition operator :
* If statement:

1. Function :

Dùng để diễn tả điều kiện.

1. Syntax:

If <condition> {statement} (missing form)

Or

If <condition> {statement}

Else <statement> (full)

Raising : If <condition> {statement}

Else if <condition> {statement}

Else if <condition> {statement}….

* Condition operator:

1. Function:

* Giống y câu if.
* Đây là 1 dạng biểu thức.

1. Syntax:

<Condition>?<statement>(true) : <statement>(false);

* Switch\_Case statements:
* Function:
* Là câu điều kiện.
* So sánh với nhiều trường hợp.(tiện hơn if ở trường hợp này).
* Syntax:

Switch (conditions)

{

Case (expression1):

<Statement>;(have or not have)

Case (expression2):

Case (expression3):….

Default:

<Statement> }

* Notes:

1. Nguyên lý hoạt động: Nó sẽ so sánh với tất cả các Case label và dừng khi chạy hết Default(case cuối) or gặp phải lệnh break.
2. Cẩn thận vì không có trường hợp từng case thực hiện mỗi statement khác nhau, nó sẽ thực hiện tất cả statement dưới case đúng có trong câu lệnh Switch\_Case.

Vd: Case 1 đúng thì nó vẫn sẽ chạy đi so sánh case2 case3…. Cho đến khi hết default or gặp break(gặp break thì nó dừng full vòng lặp), và thực hiện tất cả các statement trong vòng lặp, không cần biết nó ở case nào cả.(khá nguy hiểm).

1. Chỉ được khởi tạo biến ở case cuối cùng của vòng lặp (default), nếu muốn khởi tạo trước đó thì phải cho vào ngoặt {}, còn lại thì định nghĩa biến được.
2. Biến được khai báo chỉ có thể sử dụng trong vòng switch\_case, k được đêm ra ngoài và chỉ sủ dụng ở các case dưới.